

Số: 519/2021/DS-ST

Ngày: 19/04/2021

V/v: “Tranh chấp chia thừa kế”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nở.

2/ Ông H Trường Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Võ Thị
Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 13 đến ngày 19 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp thừa kế”
thụ lý số 587/TLST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 1079/2021/QĐST- DS ngày 17 tháng 03 năm 2021 giữa các đương
sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thy K; sinh năm 1970.

Địa chỉ: 799 Foothill BL VD #C San Luis Obispo, CA, 93405, USA.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình T; sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: 97/8A Đường N, Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Bùi Khắc T - Đoàn Luật
sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Kiều P; sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị Lan S - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Đình Anh T, sinh năm 1998 (có đơn xin xử vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Đình Anh D, sinh năm 1994.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Kiều P. (có mặt)

Cùng địa chỉ : 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Lương Thị X, sinh năm 1951. Địa chỉ: 2269 Warfield Way # C, San Jose CA 95122 USA.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình T; sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: 97/8A Đường N, Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Bùi Khắc T– Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4/ Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Châu Phụng C (có đơn xin vắng mặt).

Trụ sở: Số 45-47 đường D, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1/ Ông Trương Văn T; sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 24 Đường B, khu phố 5, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Phạm Phú P, sinh năm 1961. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 118/24 Đường Đ, Phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thy K có ông Phạm Đình Thuận đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thy K là con của ông Nguyễn Đức H (chết năm 2004) và bà Lương Thị X, cha mẹ bà K kết hôn năm 1969 nhưng giấy kết hôn đã bị thất lạc. Năm 1973 cha mẹ bà ly thân, năm 1995 bà X xuất cảnh đi Mỹ.

Năm 1992 ông Nguyễn Đức Huỳnh kết hôn với bà Đinh Thị Kiều P và sinh hai người con là Nguyễn Đình Anh D (sinh năm 1994) và Nguyễn Đình Anh T (sinh năm 1998). Căn nhà 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của bà nội là bà Trần Thị S (chết năm 2011) để lại cho ông H, từ khi ông H và bà X kết hôn nhưng đến năm 2000 thì bà S mới làm

hợp đồng tặng cho ông H tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh, trước bạ ngày 29/5/2000. Hiện nay căn nhà 28/5 đường V do bà P và hai con của bà P đang quản lý, sử dụng. Phía nguyên đơn không có đóng góp hay xây dựng sửa chữa gì trong căn nhà này.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật nhà đất số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho 05 (năm) đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Thy K, bà Lương Thị X, bà Trần Thị S, ông Nguyễn Đình Anh D và ông Nguyễn Đình Anh T. Bà yêu cầu nhận nhà và trả lại các đồng thừa kế tiền, không chia cho bà P. Đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số CH01849 ngày 27/7/2010 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đinh Thị Kiều P, vì bà P kê khai thừa kế chỉ có 03 (ba) người là bà P và hai người con của bà P.

Đối với yêu cầu phản tố của bà P về việc đòi các khoản tiền xây dựng, sửa chữa căn nhà 28/5 đường V, Phường L, Quận M, chi phí lo đau bệnh, ma chay cho ông H, chi phí xây mồ mả, ma chay cho bà S, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng thì bên nguyên đơn chỉ đồng ý khi có hóa đơn chứng từ hợp pháp.

2. Bị đơn – Bà Đinh Thị Kiều P có đơn yêu cầu trình bày:

Bà Đinh Thị Kiều P và ông Nguyễn Đức H kết hôn năm 1993 theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/93 do Ủy ban nhân dân Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/1993. Ông bà có hai con chung là Nguyễn Đình Anh D (sinh năm 1994) và Nguyễn Đình Anh T (sinh năm 1998).

Căn nhà 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của bà Trần Thị S, năm 2000 bà S làm thủ tục tặng cho cho ông H. Năm 2004 ông H mất không để lại di chúc.

Ngày 05/3/2010, bà Trần Thị S là mẹ ruột ông H đã ra Văn phòng công chứng Sài Gòn để làm thủ tục phân chia di sản thừa kế và để lại toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng từ di sản của ông H cho bà Đinh Thị Kiều P.

Bà có đơn yêu cầu phản tố đề nghị trừ đi các khoản tiền bà đã bỏ ra gồm: Tiền xây dựng mới lại căn nhà năm 2002 khoảng: 500.000.000 đồng (theo giấy phép xây dựng số 202 ngày 02/5/2002 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp cho ông Nguyễn Đức H), các chi phí thuốc men điều trị cho ông H bị ung thư khi nằm viện là 191.815.960 đồng (có biên lai hóa đơn đính kèm); chi phí xây mồ mả cho bà S 45.000.000 đồng (có biên lai đính kèm), chi phí mai táng, xây mồ mả cho ông H 118.920.000 đồng. Tổng cộng hơn 1.000.000.000 đồng. Sau khi ông H chết bà sửa chữa toàn bộ cả 3 tầng lầu, theo kết quả kiểm định số tiền sửa chữa là 128.807.000 đồng. Bà đề nghị trừ các khoản tiền trên, phần còn lại chia

đều cho 5 đồng thừa kế gồm: Bà P, Anh D, Anh T, bà K và bà S (bà S đã làm di chúc cho lại bà P) nên bà P được hưởng 2/5 giá trị căn nhà. Bà và các con xin nhận nhà và hoàn lại giá trị cho bà K vì căn nhà trên dùng làm nơi thờ cúng ông H và bà S và ngoài căn nhà trên bà không còn căn nhà nào khác.

Không chấp nhận chia thừa kế cho bà Lương Thị X vì bà X không phải là vợ của ông H. Ngoài ra, bà P không còn yêu nào khác.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lương Thị X có Phạm Đình T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà X và ông H kết hôn năm 1969 tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có làm đám cưới có sự chứng kiến của hai họ và đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống tại 28/5 đường V, Phường L, Quận M, đến cuối năm 1995 thì bà S định cư tại Hoa kỳ. Bà và ông H chưa ly hôn. Nay bà xin chia thừa kế phần của bà là 1/5 giá trị di sản nhà và đất số 28/5 đường V Các vấn đề khác liên quan đến chia thừa kế bà đồng ý với ý kiến của con gái là Thy K.

- Nguyễn Đình Anh T và Nguyễn Đình Anh D đồng ý với ý kiến của bà P.

- Đại diện Ủy ban nhân dân Quận M trình bày trong bản tự khai:

Căn nhà số 28/5 đường V, Phường L, Quận M nguyên thuộc sở hữu của bà Trần Thị S theo Giấy chứng nhận số 176/99 ngày 07/01/1999 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, trước bạ ngày 16/3/1999. Ngày 25/5/2000 bà S tặng cho lại căn nhà trên cho ông Nguyễn Đức H theo hợp đồng số 39957/HĐ-TCN lập tại Phòng công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh, trước bạ ngày 29/5/2000, đăng ký ngày 01/6/2000. Ngày 02/5/2002, Ủy ban nhân dân Quận M cấp giấy phép xây dựng số 202/GPXD tại địa chỉ trên cho ông H. Năm 2004 ông H chết. Ngày 05/3/2010 các ông bà Trần Thị S, Đinh Thị Kiều P, Nguyễn Đình Anh D, Nguyễn Đình Anh T lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do ông H chết để lại là toàn bộ căn nhà 28/5 đường V, Phường L, Quận M, ngoài ra không còn ai. Bà S nhượng toàn bộ kỷ phần của bà được hưởng trong căn nhà cho bà P, Văn bản được công chứng tại Văn phòng công chứng Sài Gòn. Ngày 27/7/2010, Ủy ban nhân dân Quận M đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà P, ông Tú, ông D. Việc Ủy ban nhân dân Quận M cấp giấy là đúng quy định.

4. Người làm chứng:

- Ông Trương Văn T trình bày trong bản tự khai:

Năm 2004, ông có làm hợp đồng xây dựng mồ mã của ông H với bà Đinh Thị Kiều P số tiền là 75.000.000 đồng theo hợp đồng xây dựng ngày 05/4/2004 và bán cho bà P một phần đất mộ giá 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày

05/4/2004. Ngày 17/02/2011, ông có làm hợp đồng xây dựng mồ mả với bà P để xây mộ cho mẹ chồng bà Trần Thị S số tiền là 45.000.000 đồng. Ông là người trực tiếp thi công xây dựng theo yêu cầu của bà P và nhận tiền trực tiếp từ bà P. Hai bên đã thanh lý hợp đồng. Trong vụ kiện này ông không có yêu cầu gì và có đơn xin xử vắng mặt.

- Ông Phạm Phú P trình bày trong bản tự khai:

Ông là con ruột của ông Phạm C (chết năm 2013). Ông C trước đây có ký hợp đồng xây dựng căn nhà số 28/5 Bùi Viện, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 số tiền khoảng 500.000.000 đồng nhưng sau đó có phát sinh lên khoảng 700.000.000 đồng. Ông là người trực tiếp thi công, giám sát cùng với ông C. Mọi giao dịch giữa ông C và bà P ông đều biết. Việc xây dựng nhà đã hoàn thành vào năm 2002. Hai bên đã thanh lý hợp đồng. Trong vụ kiện này ông không có yêu cầu gì và có đơn xin xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự giữ nguyên ý kiến.

- Đại diện của bà K và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X và bà K trình bày:

Đề nghị chia di sản thừa kế của ông H làm 05 phần gồm: Bà K, bà X, ông D, ông Tú, bà S là vợ hợp pháp của ông H, có đăng ký kết hôn và chưa ly hôn. Phía bà X và bà K xin nhận nhà và hoàn lại giá trị đồng thừa kế còn lại với giá đất tự xác định 400.000.000 đồng/m² vì giá đất theo thẩm định là thấp so với thị trường. Đồng ý trừ các chi phí bà P đã bỏ ra gồm: Chi phí thuốc men chữa bệnh cho ông H là: 191.815.960 đồng, chi phí ma chay xây mồ mả cho ông H 118.920.000 đồng, chi phí sửa chữa nhà là 128.807.000 đồng, các khoản khác không đồng ý. Không đồng ý chia thừa kế cho bà P.

- Bà P và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích trình bày:

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà P, khấu trừ các khoản tiền bà đã bỏ ra lo chữa bệnh, ma chay, lo đám tang cho ông H, xây mồ mả cho bà S, chi phí xây nhà, sửa chữa nhà tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Không đồng ý chia cho bà X vì giấy đăng ký kết hôn bà X cung cấp không có hồ sơ gốc, gia đình họ hàng không ai nhìn nhận bà X là vợ ông H. Bà P xin được nhận nhà và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Đối với giá của nguyên đơn đưa ra 400.000.000/m² là không hợp lý vì cơ quan thẩm định giá là do hai bên cùng chọn và giá nhà đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm năm 2015 là 5.000.000.000 đồng thì giá hiện nay 10.000.000.000 đồng là hoàn toàn hợp lý. Bà P tự nguyện chịu chi phí thẩm định giá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, Ngoài các đương sự có đơn xin xử vắng mặt, các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Xác định di sản thừa kế của ông H để lại là nhà đất số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giá là 10.150.259.000 đồng (theo kết quả thẩm định giá 8/2020). Ông H chết không để lại di chúc nên di sản chia theo pháp luật.

Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông H gồm: Bà K, bà P, ông D, ông Tú, bà S mỗi người được hưởng 1/5 giá trị nhà đất. Bà S đã để lại di sản thừa kế cho bà P nên bà P được hưởng 2/5 suất di sản thừa kế. Không có cơ sở chia cho bà X vì không đủ chứng cứ chứng minh bà X là vợ của ông H.

Cần trừ các khoản tiền bà P đã bỏ ra: Tiền chi phí thuốc men chữa bệnh cho ông H là: 191.815.960 đồng, chi phí ma chay xây mộ mả cho ông H 118.920.000 đồng, chi phí sửa chữa nhà là 128.807.000 đồng và tiền xây nhà bà P đã bỏ ra năm 2002. Sau khi trừ các khoản tiền trên, số còn lại chia đều 5 đồng thừa kế. Bà K quốc tịch Mỹ đang ở nước ngoài nên không đủ điều kiện nhận nhà, cần giao nhà cho bà P và các con ở và hoàn tiền cho bà K. Các chi phí khác bà P yêu cầu không có cơ sở chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của bà K. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn và chia thừa kế theo hướng phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Các đương sự yêu cầu chia thừa kế. Bà Nguyễn Thị Thy K, bà Lương Thị X hiện đang sinh sống ở nước ngoài, căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Nhận thấy ông Trương Văn T và cha của ông Phạm Phú P là người trực tiếp ký hợp đồng xây sửa nhà, xây mộ mả cho ông H. Bà P đã thanh toán tiền cho các ông, trong vụ án này các ông không có yêu cầu gì và hai ông không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến vụ kiện. Nên xác định hai ông tham gia tố

tụng với tư cách là người làm chứng. Các đương sự khác đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thy K chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cha ruột là ông Nguyễn Đức H là nhà đất số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cho 05 đồng thừa kế gồm bà X (vợ ông H), bà K (con ông H), bà S (mẹ ông H), ông D, ông T (con ông H) không đồng ý chia cho bà P vì bà P không phải vợ hợp pháp. Xin được nhận nhà và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số CH01849 ngày 27/7/2010 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đinh Thị Kiều P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Về nguồn gốc nhà: Trong quá trình giải quyết, các đương sự đều thống nhất nhà đất số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của bà Trần Thị S theo Giấy chứng nhận số 176/99 ngày 07/01/1999 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, trước bạ ngày 16/3/1999. Ngày 25/5/2000, bà S tặng cho lại căn nhà trên cho ông Nguyễn Đức H theo hợp đồng số 3995/HĐ-TCN lập tại Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh trước bạ ngày 29/5/2000, đăng ký ngày 01/6/2000. Như vậy nhà đất nêu trên là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức H. Năm 2004 ông H mất không để lại di chúc vì vậy di sản của ông H chia theo luật.

+ Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức H và bà Lương Thị Xuân, giữa ông Nguyễn Đức H và bà Đinh Thị Kiều P:

Theo bà X trình bày: Bà và ông H kết hôn năm 1969 tại xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có làm đám cưới có sự chứng kiến của hai họ và đăng ký kết hôn (hiện đã thất lạc), có 01 con chung là bà K. Sau khi cưới sống tỉnh Tây Ninh một thời gian sau thì về ở tại 28/5 đường V, Phường L, Quận M, đến năm 1973 thì ly thân, cuối năm 1995 thì bà S định cư tại Hoa kỳ.

Theo bà P trình bày: Bà và ông H đăng ký kết hôn năm 1993 theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/93 do Ủy ban nhân dân Phường L, Quận M cấp ngày 27/4/1993. Ông bà có hai con chung là Nguyễn Đình Anh D (sinh năm 1994) và Nguyễn Đình Anh T (sinh năm 1998). Xét bà X khai bà và ông H đăng ký kết hôn tại tỉnh Tây Ninh sau đó thì về tại 28/5 đường V, Phường L, Quận M. Phía nguyên đơn cung cấp bản trích lục đăng ký kết hôn cho Tòa để chứng minh quan hệ giữa bà X và ông H là vợ chồng. Tuy nhiên Tòa án đã xác minh bản trích lục này được Ủy ban nhân dân xã nơi cấp trích lục trả lời bằng công văn số 77/UBND ngày 18/9/2019 không có hồ sơ lưu và bà X cũng không có chứng cứ chứng minh về việc ông bà đã lưu cứ tại các nơi ở như trên. Vì vậy

bản trích lục này không có giá trị pháp lý chứng minh bà X và ông H là vợ chồng.

Mặt khác, nếu bà X và ông H có là hôn nhân thực tế thì theo án lệ số 41/202/AL ngày 23/2/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về chấm dứt hôn nhân thực tế: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng sau đó họ không còn chung sống với nhau và trước khi Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, có người chung sống với nhau như vợ chồng với người khác. Trong trường hợp này, phải xác định hôn nhân thực tế đầu tiên đã chấm dứt. Đối chiếu án lệ, bà X với ông H tuy có sống chung từ năm 1968, có một con chung nhưng theo bà X khai hai người đã ly thân từ năm 1973, ông H cũng đã kết đăng ký kết hôn với bà P năm 1993. Như vậy hôn nhân giữa ông H và bà X đã chấm dứt từ năm 1973 trước khi kết hôn với bà P. Vì vậy theo tinh thần của án lệ bà X không còn là vợ của ông H. Di sản của ông H có nguồn gốc của bà S tặng năm 2000, không liên quan đến bà X. Do đó yêu cầu chia thừa kế cho bà X được hưởng di sản của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

Hôn nhân giữa ông H và bà P có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp vì vậy bà P được hưởng di sản thừa kế của ông H là đúng quy định của pháp luật.

+ Xét về hàng thừa kế: Ông H chết ngày 05/4/2004 không để lại di chúc căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản của ông H để lại sẽ chia theo pháp luật, chia đều cho các đồng thừa kế ở hàng thứ nhất gồm: Bà Trần Thị S (mẹ ruột), bà Đinh Thị Kiều P (vợ) bà Nguyễn Thị Thy K (con riêng), con Nguyễn Đình Anh D và Nguyễn Đình Anh T.

+ Xét yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị Kiều P về việc yêu cầu hoàn trả các khoản tiền chi phí bà đã bỏ ra trong quá trình chung sống với ông H, gồm: Tiền chi phí xây nhà 500.000.000 đồng, tiền chi phí sửa chữa 128.807.000 đồng, tiền chi phí chữa bệnh ung thư cho ông H là 191.815.960 đồng, chi phí mai táng, xây mồ mả cho ông H là 118.920.000 đồng và tiền chi phí xây mồ mả cho bà S 45.000.000 đồng và 128.807.000 đồng tiền sửa chữa nhà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Về chi phí xây dựng, sửa chữa sửa chữa nhà 28/5 đường V, Phường L, Quận M: Căn cứ Giấy phép xây dựng số 202/GPXD ngày 02/5/2002 của Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp cho ông H nội dung xây nhà 28/5 đường V gồm 01 trệt, 01 lửng và 02 lầu, khung sàn bê tông cốt thép, mái che bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 156,31 m². Căn cứ các chứng từ, sổ sách giao nhận tiền thi công được ông Phạm C ký nhận, căn cứ lời khai của bà P có đủ cơ sở xác định sau khi ông H được tặng cho nhà, vào năm 2002 gia đình bà P đã tiến hành xây dựng lại căn

nhà 28/5 đường V với tổng chi phí là 500.000.000 đồng. Bà P trình bày toàn bộ số tiền xây dựng nhà là do bà bỏ ra vì bà buôn bán tại chợ nên có vốn, Hội đồng xét xử nhận thấy, thời điểm này ông H còn sống và việc xây dựng nhà là tài sản chung của vợ chồng, bản thân bà P không chứng minh được đây là tiền riêng của bà. Theo chứng thư thẩm định giá trị xây dựng còn lại toàn bộ căn nhà là 662.205.900 đồng trong đó bao gồm trừ chi phí sửa chữa là 128.807.000 đồng. Số tiền xây dựng của bà P sẽ được tính là: $(662.205.900đ - 128.807.000đ) : 2 = 266.699.450$ đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền bà P đã bỏ ra gồm: Tiền sửa chữa nhà là 128.807.000 đồng; chi phí điều trị, thuốc men trong thời gian ông H bị bệnh ung thư là: 191.815.960 đồng, chi phí tiền mai táng, xây dựng mồ mã cho ông H là 118.920.000 đồng. Tổng số tiền các chi phí bà P đã bỏ ra chấp nhận là: 266.699.450đ (tiền xây nhà) + 128.807.000đ (tiền sửa nhà) + 191.815.960đ (tiền chữa bệnh cho ông H) + 118.920.000đ (tiền ma chay, xây mộ cho ông H) = 706.242.410 đồng.

Cần khấu trừ số tiền này vào giá trị di sản thừa kế, số còn lại sẽ chia đều cho 5 người: $(10.150.259.000 \text{ đồng tổng trị giá nhà đất theo chứng thư thẩm định giá số 1750820/CT/TV tháng 08/2020 ngày 11/9/2020} - 706.242.410 \text{ đồng tổng chi phí bà P đã bỏ ra}) : 5 \text{ (phần)} = 1.888.803.318$ đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười tám đồng).

Bà Nguyễn Thị Thy K, ông Nguyễn Đình Anh D, ông Nguyễn Đình Anh T mỗi người được hưởng 1/5 trị giá trị di sản sau khi khấu trừ các chi phí là: 1.888.803.318 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười tám đồng). Bà Đinh Thị Kiều P được hưởng phần thừa kế của bà S nên bà P được hưởng là: $(1.888.803.318 \text{ đồng} \times 2) = 3.777.606.636$ đồng (Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng). Đối với yêu cầu của bà P về khấu trừ phần chi phí xây mồ mã cho bà S 45.000.000 đồng và các chi phí khác không có cơ sở chấp nhận.

Xét tại phiên tòa đại diện của bà X và bà K đề nghị tự định giá trị Quyền sử dụng đất là 400.000.000/m² vì giá theo kết quả thẩm định thấp hơn giá thị trường, xin nhận nhà và hoàn tiền cho các đồng thừa kế khác. Bà P không đồng ý với giá bên nguyên đơn đưa ra, mặt khác việc lựa chọn cơ quan thẩm định giá do các bên cùng lựa chọn và cơ quan thẩm định đã tiến hành thẩm định giá theo đúng quy định của pháp luật. Kết quả thẩm định nhà đất chưa quá 6 tháng, vì vậy không có cơ sở chấp nhận giá do đại diện của bà X và bà K đưa ra.

Xét cả nguyên đơn và bị đơn cùng xin nhận nhà trả tiền cho các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực tế hiện nay bà P cùng hai con đang quản lý sử dụng nhà lâu dài ổn định, bà P có công tu bổ, quản lý giữ gìn căn nhà, đồng

thời đây cũng là nơi con trai thờ cúng cha và bà nội theo phong tục tập quán, nhu cầu ở là thiết thực bà P và các con cũng không có căn nhà nào khác ngoài căn nhà trên. Vì vậy yêu cầu nhận nhà của bà P và các con được chấp nhận. Về phía bà K đang sinh sống ổn định nước ngoài, chỉ có 01 phần thừa kế, nhu cầu nhà ở của bà K chưa cấp thiết, vì vậy yêu cầu nhận nhà của bà K không có cơ sở chấp nhận.

Do bà P và 02 con được nhận nhà nên bà P phải có trách nhiệm thanh toán ngay số tiền 1.888.803.318 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười tám đồng) cho bà K.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số BB 107957, BB 107956 số vào số CH01849 và CH01850 ngày 27/7/2010 của Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà P và ông D, Ông T vì đã cấp sai do thiếu người thừa kế. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Việc Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho bà P và ông D đúng theo trình tự thủ tục và đúng quy định pháp luật, việc đương sự kê khai thiếu người thừa kế thuộc trách nhiệm của người kê khai. Nay phía bà P và các con đã chấp nhận thanh toán lại kỹ phần thừa kế cho bà K nên không cần thiết phải hủy bỏ các giấy chứng nhận nói trên. Do đó yêu cầu hủy giấy chứng nhận của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

Số tiền chi phí đo vẽ, định giá hiện trạng nhà trong quá trình giải quyết do nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chịu đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng thừa kế 3.777.606.636 đồng (Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng) nên án phí phải nộp là: 107.552.133 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi ba đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo phiếu thu số 06575 ngày 05/3/2014 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà P còn phải nộp 86.552.133 đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi ba đồng).

Bà K, ông D, ông T mỗi người phải nộp trên số tiền được hưởng thừa kế 1.888.803.318 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười tám đồng) nên án phí phải nộp là: 68.664.100 đồng (Sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm đồng).

Bà K được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.500.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo phiếu thu số 09506 ngày 19/8/2011 và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo phiếu thu số 09830 ngày 30/12/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K còn phải nộp là 11.964.100 đồng (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng).

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 37, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227. Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 615, 650, 651, 658 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật về án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ án lệ số 41/2021/AL ngày 23/2/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thy K.

Xác định di sản thừa kế của Ông Nguyễn Đức H để lại là nhà đất số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có giá 10.150.259.000 (Mười tỷ, một trăm năm mươi triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Đinh Thị Kiều P về việc khấu trừ các khoản chi phí đã bỏ ra, gồm: Tiền xây nhà, tiền sửa nhà, tiền chữa bệnh cho ông H và tiền ma chay, xây mộ cho ông H, tổng cộng là 706.242.410 đồng (bảy trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm mười đồng).

3. Giá trị di sản thừa kế là nhà đất số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi trừ các chi phí bà P đã bỏ ra còn lại là:

9.444.016.590 (Chín tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi đồng).

4. Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật gồm: Bà Trần Thị S, bà Đinh Thị Kiều P, bà Nguyễn Thị Thy K, ông Nguyễn Đình Anh D, ông Nguyễn Đình Anh T.

5. Bà Nguyễn Thị Thy K, ông Nguyễn Đình Anh D, ông Nguyễn Đình Anh T mỗi người được hưởng 1/5 giá trị còn lại của di sản thừa kế là 1.888.803.318 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười tám đồng).

6. Bà Đinh Thị Kiều P được hưởng 2/5 giá trị còn lại của di sản thừa kế là: 3.777.606.636 đồng (Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng).

Trong hạn 06 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà P và ông D, ông Tú có trách nhiệm thanh toán cho bà K số tiền 1.888.803.318 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười tám đồng).

Việc giao nhận tiền thi hành tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Quá thời hạn trên nếu bà P và ông D, ông Tú chưa thanh toán cho bà K thì đương sự có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản chia theo tỷ lệ trên sau khi khấu trừ số tiền 706.242.410 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm mười đồng).

7. Bà Đinh Thị Kiều P, ông Nguyễn Đình Anh D và ông Nguyễn Đình Anh T được sở hữu căn nhà số 28/5 đường V, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 107957, BB 107956 số vào sổ CH01849 và CH01850 ngày 27/7/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thanh toán xong phần di sản thừa kế cho bà K.

8. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thy K về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số BB 107957, BB 107956 số vào sổ CH01849 và CH01850 ngày 27/7/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đinh Thị Kiều P, Nguyễn Đình Anh T, Nguyễn Đình Anh Dũng.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình Anh D, ông Nguyễn Đình Anh T, bà Nguyễn Thị Thy K mỗi người phải nộp là: 68.664.100 đồng (sáu mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, một trăm đồng). Bà K được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.500.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo phiếu thu số

09506 ngày 19/8/2011 và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo phiếu thu số 08118 ngày 28/01/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K còn phải nộp là 11.964.100 đồng (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng).

- Bà Đinh Thị Kiều P phải nộp là: 107.552.133 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi ba đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) theo phiếu thu số 06575 ngày 05/3/2014 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà P còn phải nộp 86.552.133 đồng (tám mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm ba mươi ba đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhung